UBND Xã: Minh Đức **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ IV NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ IV			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**28.210.555.000**	**22.843.300.000**	**5.367.255.000**	**3.910.920.016**	**1.419.071.000**	**2.491.849.016**	**13,86**	**6,21**	**46,43**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	12.500.000.000	12.500.000.000		919.071.000	919.071.000		7,35	7,35	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	24.000.000		24.000.000	4.000.000		4.000.000	16,67		16,67
4	Chi văn hóa, thông tin	1.760.600.000	1.700.000.000	60.600.000	11.800.000		11.800.000	0,67		19,47
5	Chi phát thanh, truyền thanh	102.260.000		102.260.000	12.946.801		12.946.801	12,66		12,66
6	Chi thể dục, thể thao	1.932.600.000	1.892.600.000	40.000.000	10.670.000		10.670.000	0,55		26,68
7	Chi bảo vệ môi trường				99.000.000		99.000.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.154.765.000	4.850.700.000	304.065.000	1.053.958.000	500.000.000	553.958.000	20,45	10,31	182,18
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.539.465.000	1.900.000.000	4.639.465.000	1.586.010.715		1.586.010.715	24,25		34,19
10	Chi cho công tác xã hội	112.164.000		112.164.000	35.402.000		35.402.000	31,56		31,56
11	Chi khác	84.701.000		84.701.000	178.061.500		178.061.500	210,22		210,22
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									